

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2026

“V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Anh

Bà Đỗ Thị Hân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị T**, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: **xóm H, thôn Đ, phường M, tỉnh Quảng Ninh**, có mặt.

- Bị đơn: Anh **Bế Mạnh K**, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: **khu D, phường M, tỉnh Quảng Ninh**. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại **Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị **Tạ Thị T** trình bày: chị và anh **Bế Mạnh K** đăng ký kết hôn ngày 28/12/2015 tại **Ủy ban nhân dân phường B, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Đến năm 2023 do anh **Bế Mạnh K** chơi bời, sử dụng ma túy, ngày 23/8/2023, anh **K** bị bắt về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma*”

túy”, bị Tòa án tuyên phạt 07 năm 03 tháng tù. Từ đó tới nay chị không đến thăm anh **K**, chị và anh **K** không liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Bé Mạnh K**.

Về con chung: quá trình chung sống, chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** có 02 con chung là **Bé Đức K1**, sinh ngày 28/4/2016 và **Bé Đức A**, sinh ngày 28/02/2021. Nay ly hôn, chị **T** đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng vì từ khi anh **K** bị bắt, hai con đều ở cùng với chị. Chị không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh **Bé Mạnh K** không có tài sản và khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị **Tạ Thị T** xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai của anh **Bé Mạnh K** (được thực hiện tại **Trại giam V**), anh **K** trình bày: anh và chị **Tạ Thị T** kết hôn năm 2015 tại **Ủy ban nhân dân phường B, thành phố M (nay là phường M) tỉnh Quảng Ninh** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 8/2023 anh vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, hiện anh đang chấp hành án tại **Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ**. Từ khi anh bị bắt tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, chị **T** không đến thăm anh. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị **T**, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: anh xác nhận anh và chị **T** có 02 con chung là **Bé Đức K1**, sinh ngày 28/4/2016 và **Bé Đức A**, sinh ngày 28/02/2021, cả 02 con chung hiện đang ở cùng chị **T**. Do anh đang chấp hành án nên anh đồng ý để chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và khoản nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đang chấp hành án tại **Trại giam V**, anh **K** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong các buổi làm việc, buổi hòa giải và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đang chấp hành án tại **Trại giam V** đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên việc Tòa án xét xử vắng mặt anh **K** là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Tạ Thị T**. Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Tạ Thị T** với anh **Bé Mạnh K**. Về con chung: đề

ngợi Tòa án giao cả 02 con chung là **Bé Đức K1**, sinh ngày 28/4/2016 và **Bé Đức A**, sinh ngày 28/02/2021 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **K** không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh **Bé Mạnh K** đăng ký hộ khẩu thường trú tại **khu D, phường M, tỉnh Quảng Ninh** (mặc dù hiện tại đang chấp hành án tại **Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ**), nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ninh.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: anh **Bé Mạnh K** hiện đang chấp hành án tại **Trại giam V, xã Đ, tỉnh Phú Thọ**, đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong toàn bộ quá trình tố tụng. Do đó Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh **Bé Mạnh K** là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường B, thành phố M (nay là phường M), tỉnh Quảng Ninh** ngày 28/12/2015. Hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Quá trình chung sống, anh **K** có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị kết án 07 năm 03 tháng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, xét thấy, anh **K** phạm tội do lỗi cố ý, thể hiện không có ý thức xây dựng, giữ gìn hạnh phúc gia đình. Từ khi anh **K** đi chấp hành án phạt tù, chị **T** không đến thăm, hai bên không có mối liên hệ gì từ đó cho đến nay. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T** với anh **K** là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** có 02 con chung là **Bé Đức K1**, sinh ngày 28/4/2016 và **Bé Đức A**, sinh ngày 28/02/2021. Kể từ khi chị **T** và anh **K** ly thân, chị **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con. Nếu chị **T** và anh **K** ly hôn, nguyện vọng của cháu **K1** là muốn được ở với mẹ; đối với cháu **Bé Đức A** còn nhỏ (chưa đủ 07 tuổi) nên Tòa án chưa xem xét ý kiến, nguyện vọng của cháu.

Chị **Tạ Thị T** đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ vào thực tế quá trình nuôi dưỡng con chung từ khi chị **T** và anh **K** ly thân, yêu cầu khởi kiện của chị **T**, nguyện vọng của cháu **Bé Đức K1** cũng như để cuộc sống của các cháu ổn định, không bị xáo trộn, cháu **Bé Đức A** còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hơn nữa theo nguyện vọng của anh **K** hiện anh đang chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần giao cả hai con chung cho chị **T** nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị **T** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con, anh **K** có quan điểm hiện đang chấp hành án nên không thể cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Tạ Thị T** về vấn đề con chung, giao cả 02 (hai) con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2026 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Bé Mạnh K** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: nguyên đơn chị **Tạ Thị T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị **Tạ Thị T**.

1. Chị **Tạ Thị T** được ly hôn với anh **Bé Mạnh K**.

2. Về con chung: chị **Tạ Thị T** và anh **Bé Mạnh K** có 02 (hai) con chung là **Bé Đức K1**, sinh ngày 28/4/2016 và **Bé Đức A**, sinh ngày 28/02/2021. Giao cả 02 (hai) con chung **Bé Đức K1** và **Bé Đức A** cho chị **Tạ Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh **Bế Mạnh K** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: chị **Tạ Thị T** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002065 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị **Tạ Thị T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 -Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS khu vực 6 - Quảng Ninh;
- UBND phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Thanh